

Quảng Trị, ngày 20 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Đường T, xã A, thành phố Hải Phòng;

Số căn cước công dân: 031093008941; cấp ngày: 25/4/2021;

Bị đơn: Chị Tô Thị Bích P, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Quảng Trị;

Số căn cước công dân: 044195008598; cấp ngày: 03/5/2023;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Tô Thị Bích P.

2. Công nhận thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ con chung:

Anh chị thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 03/02/2020 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 09/5/2024. Anh chị thỏa thuận giao 2 con Nguyễn Bảo L và Nguyễn Khánh L cho chị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Bảo L mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) kể từ tháng 12/2025 cho đến khi con trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối

với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

b) Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh T và chị Tô Thị Bích P thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c) Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thanh T và chị Tô Thị Bích P mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, anh Tuấn thỏa thuận chịu thay án phí ly hôn cho chị P và anh T phải chịu 150.000 đồng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng án phí anh T phải chịu là 300.000 đồng. Số tiền án phí anh T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001092, ngày 21/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Quảng Trị. Anh T đã nộp đủ án phí vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4 - Quảng Trị;
- THADS KV 4- Quảng Trị;
- UBND xã T (x.T cũ) ĐKKH ngày 10/6/2009;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu HS; Lưu VP;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương